

“PHẢI CÓ DANH GÌ VỚI NÚI SÔNG” CHÍ KHÍ VÀ CUỘC ĐỜI CỦA CỤ NGUYỄN CÔNG TRỨ

Thiên Lương



Ở thời nào, nước ta cũng có những vị trí thức lớn, biết sống trọn vẹn với lẽ xuất xử ở đời. Lúc “xuất” thì hết lòng với bốn phận hộ quốc, an dân; khi “xử” thì tự nghiêm cẩn với mình, làm gương cho dân chúng, mà Nguyễn Công Trứ là một tấm gương tiêu biểu. Cuộc đời ông với bao nhiêu sóng gió là bấy nhiêu câu chuyện đã thành giai thoại, nhưng đều hiển hiện một bản lĩnh sống đầy trí tuệ, rất lạc quan, lại gần dân và cũng rất bình dân. Thơ ông là bóng dáng cuộc đời và tâm hồn ông. Từng bài, từng câu đều hàm chứa triết lý nhân văn của văn hóa và Dịch lý phương đông, đầy sâu sắc nhưng lại hóm hỉnh và rất đời thường. Tri nghiệm lá số với những nét chính trong đời ông, ta sẽ được thấy phần nào điều đó.

Vài giai thoại thú vị

Như hầu hết các vị danh nho khác, Nguyễn Công Trứ có học vấn uyên thâm, biết đủ cả “Nho, y, lý, số”. Với Trần Đoàn, ông tổ của Tử vi đầu số, Nguyễn Công Trứ đã

sáng tác riêng một bài ca trù, cũng như nói tâm sự của mình với thời thế đảo điên, có câu rằng: *“Sườn non bầu rượu túi thơ/ Thanh thời ngồi gắm cuộc cờ Tràng An”*. Triết lý của “Dịch” ở ngay trong cuộc đời và thơ văn của ông, mấy giai thoại thú vị kể dưới đây là những thí dụ:

Năm Minh Mạng thứ 14, Nguyễn Công Trứ khi ấy là Doanh Điền sứ - chức quan quản lý về khẩn hoang đất đai và đê điều, kéo quân và dân phu về vùng Vĩnh Bảo quê hương của Trạng Trình xưa. Theo dự tính, để trị thủy và thau chua rửa mặn thì phải đào một con sông cắt ngang khu đê Trạng, và như vậy buộc phải phá đê. Vốn là người lễ nghĩa và kính ngưỡng quan Trạng, ông chọn ngày giờ và đích thân làm lễ khẩn xin trước khi khởi sự. Nhưng chuyện kỳ lạ đã xảy ra: sau bài khẩn, bát hương bỗng bốc hỏa và phát lộ ra một tấm bia đá nhỏ phía sau có tạc bài thơ: *“Minh Mạng thập tứ/Thằng Trứ phá đê/Phá đê thì phải làm đê/ Nào ai đặng đến Doanh điền nhà bay!”* làm ông thất kinh. Lời tiên tri sau gần 300 năm, nhưng có đủ cả thời gian, sự việc, cả tên và chức vụ Doanh điền sứ của ông. Ông vội dừng mọi việc, tâu trình ngay về kinh và vua Minh Mạng đã chuẩn tâu mở con sông đi hướng khác, đồng thời cấp tiền bạc để trùng tu lại đê Trạng khàng trang hơn. Chuyện kỳ lạ ấy như là cái “duyên” giữa ông với anh linh của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm - nhà tiên tri của nước Việt, đã được người phương Bắc tôn xưng “An Nam lý học hữu Trình tuyên”.

Đến năm sau, ông được bổ làm Tổng đốc Hải Dương, và vốn tính bình dân, ông thường cải trang vi hành để xem xét nhân tình thế thái. Một hôm, ông giả làm thầy tướng, khi qua mạn Nam Sách ngồi nghỉ chân ở một quán trà ven đường, thấy mọi người đều có ý nhìn mình thì thoáng chột dạ. Hay là mình cải trang không khéo để dân tình nhận thấy? Hóa ra không phải, họ lạ là vì từ vóc dáng đến khuôn mặt ông, cả bộ râu ba chòm... đều giống y đúc một người phu xe trạc tuổi ngồi ở đó đã lâu. Tất nhiên, người này vì lam lũ vất vả nên đen sạm và khắc khổ lắm. Chính ông cũng lấy làm lạ, liền dò hỏi và được người ấy mời về nhà gần đó nghỉ ngơi. Người phu xe kể rằng được sinh ra ở vùng núi cao, nghèo đói quá mà di cư về đây. Ông ta lục đáy rương lấy ra và đưa cho ông xem một tờ giấy bản đã cũ nát, chép lá số Tử vi của mình. Nguyễn Công Trứ quá đỗi ngạc nhiên, bởi lá số ấy giống Tử vi của ông y hệt. Thế mà, người thì mệnh công hầu, kẻ lại kiếp đói rách? Dẫu là người đọc nhiều về Dịch lý, lúc ấy ông cũng chưa thể lý giải sao cho tường tận.

Thế rồi, ông nghe nói ở Phố Hiến có một thầy Tàu xem Tử vi nổi tiếng lắm, nên quyết đến thử tài và “bóc mẽ” ông này. Ông định sẽ cải trang kỹ, rồi đưa lá số này ra. Nếu thầy phán là số vinh hoa, hiển đạt thì ông sẽ đưa nhân vật phu xe nghèo khó ra đối chứng; còn nếu thầy bảo là số bần hàn, ông sẽ đưa chính mình ra chứng minh. “Bề nào thì thầy số cũng sẽ phán sai toét!”- ấy là ông nghĩ vậy. Ông tìm đến thầy và đưa tiền đặt quẻ, nói ngày giờ sinh: giờ Thìn, ngày 1/11 năm Mậu Tuất. Sau khi lập lá số, thầy chỉ liếc qua thân chủ rồi phán: *“Số này, nếu để trên mạn ngược thì suốt đời nghèo khó, chỉ đi hầu hạ người ta. Còn nếu may mà được để ra trên mặt nước, dưới dòng trũng thì vinh hiển lắm, làm đến chức công khanh!”*. Lời phán ấy làm ông thất kinh đến toát mồ hôi, và càng thức ngộ thêm về lẽ kỳ diệu, tính linh động và sự chính xác của phép Dịch lý. Bởi chính ông là người được mẹ đẻ rơi trên thuyền khi con đò đang

sang ngang sông. Ông đành nói thật mọi chuyện và sau đó, kết bạn tâm giao với ông thầy số này.

Phải có danh gì với núi sông

Nguyễn Công Trứ từng có vãn thơ nổi tiếng: *“Làm trai đứng ở trong trời đất/ Phải có danh gì với núi sông”*. Cuộc đời ông, dù lắm thăng trầm, đã là minh chứng rõ nhất cho chí khí và ước nguyện này. Trong chốn quan trường, ông đã nhiều lần bị bãi nhiệm hay cách chức. Rồi vua lại thấy không thể không dùng một nhân tài, nên lại bổ nhiệm ông lên chức cao hơn. Ông đã trở tài kinh luân thao lược ở nhiều lĩnh vực, văn võ song toàn. Lúc ở triều đình chấm thi nơi Quốc Tử giám, khi làm Doanh điền sứ mở mang vùng Tiền Hải, Kim Sơn và ven biển đồng bằng Bắc Bộ, rồi làm Tổng đốc Hải Dương. Ông còn nhiều lần cầm quân dẹp loạn ở vùng biên ải Cao Bằng hay vùng cực Nam giáp Cao Miên. Dấu chân và công tích của ông đã ngang dọc khắp giang sơn nước Việt.

Ông có mệnh Mộc, trong thế “cục” Mộc, mệnh nằm ở cung Thân (dương Kim) nên tuy vất vả (Kim khắc Mộc) mà được thuận “thiên thời”. Ấy là do tam hợp chính Mệnh (Thân) – Quan Lộc- Tài Bạch nằm trong tam hợp Thủy (Thân- Tý- Thìn), phù sinh cho mệnh Mộc. Đó cũng là lý do trong câu chuyện nói ở trên, ông thầy đã phán lá số này chỉ đắc cách nếu được sinh ra trên mặt nước. Xét về đại cục, người có tam hợp chính này luôn khắc chế được tam hợp đối cục là Hỏa (Dần – Ngọ- Tuất) nên luôn chủ động, ở thế trên cơ trong mọi sự, với các kẻ đối địch. Nếu có thua sút hay thất bại cũng chỉ là tạm thời. Cung Mệnh đắc sao Liêm Trinh miếu địa (*trong cách Tử, Phủ, Vũ, Tướng, Liêm*), hội Lộc- Mã – Khốc- Khách (*Hóa Lộc- Thiên Mã- Thiên Khốc- Diêu Khách*). Lại thêm có Hóa Khoa, Hóa Lộc chiếu, nhị hợp Lộc Tôn, cùng với cách: *“Lộc Mã giao trì, phát tài viễn lộ”* rất hay. Tiếc rằng, Thiên Mã ở đây là kim Mã, không mấy hợp với người mệnh Mộc. Nên dù tài năng có thừa, ông vẫn chẳng bao giờ thỏa chí bình sinh. Chốn quan trường hết thăng lại giáng, dịch chuyển khắp nơi mà chẳng có chỗ nào đắc ý, đến mức ông phải phẫn chí kêu lên rằng: *“Kiếp sau xin chớ làm người/ Làm cây thông đứng giữa trời mà reo!”*. Đó cũng bởi vì cung Quan Lộc vốn rất đẹp nhưng bị nhiều ngáng trở. Nó đóng ở cung Tý (dương Thủy) phù sinh mệnh Mộc, có Thiên Phủ- Vũ Khúc sáng đẹp, có Văn Khúc chiếu, nên ông là người tài kiêm văn võ. Ông đặc biệt ham thích và có công phát triển nghệ thuật chèo và ca trù ở vùng Bắc Bộ chính là do cung này đủ bộ Hóa Khoa, Phượng Các, Hi Thần hội Văn Xương - Văn Khúc. Lại thêm cách “Tam hóa Liên châu” ở 3 cung liền nhau (Tý, Sửu, Dần), ứng vào 30 năm cuối đời, nên càng về già ông càng đắm mình vào thơ phú, ca kỹ mà bớt phần đua chen chốn vinh hoa phù phiếm. Cung Quan của ông nhiều nỗi thăng trầm vì gặp Triệt án ngữ, lại thêm cung an Thân cư Tài Bạch cũng bị Tuần Không ngáng trở. Thế mới biết, để có được thành quả và tiếng tăm, uy vọng đến ngày nay, nghị lực phấn đấu của ông thật là ghê gớm và đáng khâm phục.

Tính cách của ông khá phóng túng, dám nói thật, sống thật với lòng mình... thể hiện rõ trong những vãn thơ cảm khái, tuy đầy hùng khí nhưng thừa ấy không dễ được đồng cảm và tán thưởng, kiểu như: *“Có trung hiếu nên sống trong trời đất/ Không công danh thà nát với cỏ cây”*. Đó chính là cách của người Tử, Phủ, Vũ, Tướng, nhưng Tử-

Tướng, Đẩu Quân bị Tuần Không ngáng trở cùng bộ Thiên Hư - Tuế Phá, Đà La (*trong thế Thiên La- Địa Võng*) trôi buộc. Đó cũng là cái éo le của người có chí khí đội đá vá trời nhưng chưa khi nào thỏa nguyện và được tin dùng một cách xứng đáng. Thật ra, khi ấy triều đình nhà Nguyễn ở Phú Xuân vẫn e dè, nghi kỵ và kín đáo đề phòng với kẻ sĩ đất Bắc, nên ở phải tình cảnh như ông cũng là điều dễ hiểu.

Xét về vòng Đại vận, ông đắc cách khá sớm ở thời 23- 32 tuổi, là Đại vận Thái Tuế. Ông học tuy muộn nhưng rất giỏi, được thầy yêu bạn nể, nhất là việc dâng vua Gia Long bản điều trần “Thái Bình thập sách” (*10 kế sách làm cho nước được thái bình*). Đến Đại vận mà ông khá thành tựu và phần nào thỏa chí bình sinh là ở cung Tý (dương Thủy) sinh mệnh Mộc (từ 43- 52 tuổi), đường công danh chỉ có thăng mà không có giáng. Thăng trầm nhất là Đại vận 53- 62 tuổi ở cung Sửu (âm Thổ), tương khắc với mệnh Mộc, lại mất cả “thiên thời” vì tam hợp Kim này (Tý- Dậu- Sửu) cũng khắc mệnh Mộc. Ông cứ được bổ nhiệm, ghi được chiến công rồi lại bị biếm chức đến 3 lần rất nặng. Có lần ông bị bãi mọi chức tước, phải cắn răng làm lính hầu ngay trong trướng của vị quan mới được bổ vào thay chức vụ của mình, nhưng chỉ 8 tháng sau lại được phục hồi toàn bộ. Thế mới biết, ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong. Thời ấy, dân nhiều vùng ở Bắc Bộ nhớ công ơn mở đất của ông đã lập Sinh từ, tức đền thờ ngay khi ông còn sống và sau đó tôn làm Thành Hoàng. Danh tiếng của Uy Viễn Tướng công Nguyễn Công Trứ mãi lưu danh thiên cổ, thật đúng như dân gian truyền tụng “*Sinh vi tướng, tử vi Thần*”.

Hà nội, tháng Tư, năm 2015

Nguồn: <https://sites.google.com/site/tshdsvn/trao-doi-kien-thuc/phaicodanhqivoiuisonqchikhivacuocdhoicuacunguyencongtru>

www.vietnamvanhien.net